

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2026
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Út.
- Ông Phạm Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hồ Ái L**, sinh năm 1981; Địa chỉ: **A Hồ V, ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh.**

- *Bị đơn:* Ông **Lương Hoàng A**, sinh năm 1981; Địa chỉ: **Ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 22 tháng 12 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Hồ Ái L** trình bày: Bà và ông **Lương Hoàng A** có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh) ngày 14/4/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, quyển số 01. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nên đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Lương Hoàng A**. Vợ chồng có hai con chung là cháu **Lương Thế V**, sinh ngày 26/10/2013 và cháu **Lương Thế K**, sinh ngày 04/6/2009; khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu **Lương Thế V**, giao cho ông **Lương Hoàng A** nuôi cháu **Lương Thế K** nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông **Lương Hoàng A** vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và có ý kiến trình bày tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 31/12/2025 với nội dung: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà **L**; Về con chung ông đồng ý giao cháu **Lương Thế V**, sinh ngày 26/10/2013 cho bà **L** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; ông tiếp tục nuôi cháu **Lương Thế K**, sinh ngày 04/6/2009 và không ai phải cấp dưỡng cho ai nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà **Hồ Ái L** và ông **Lương Hoàng A** có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn **C**, huyện **C**, tỉnh **Long An** (nay là xã **C**, tỉnh **Tây Ninh**) ngày 14/4/2008, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37, quyển số 01 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Ông **Lương Hoàng A** là bị đơn, hiện nay có hộ khẩu thường trú tại xã **C**, tỉnh **Tây Ninh** nên khi bà **Hồ Ái L** có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh **Tây Ninh** căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Nguyên đơn bà **Hồ Ái L** và bị đơn ông **Lương Hoàng A** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Hồ Ái L**:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Hồ Ái L** nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Lương Hoàng A** nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông **Lương Hoàng A** vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà **Hồ Ái L**. Như vậy, cả bà **Hồ Ái L** và ông **Lương Hoàng A** không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện nay, bà **L** và ông **A** cũng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà **Hồ Ái L** và ông **Lương Hoàng A** không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên yêu cầu ly hôn của bà **Hồ Ái L** là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu **Lương Thế V**, sinh ngày 26/10/2013 và cháu **Lương Thế K**, sinh ngày 04/6/2009, khi ly hôn bà **Hồ Ái L** và ông **Lương Hoàng A** đều thống nhất ý kiến giao cháu **Lương Thế V**, sinh ngày 26/10/2013 cho bà **Hồ Ái L** tiếp tục nuôi dưỡng do cháu **V** đang ở với bà **L**; giao cháu **Lương Thế K**, sinh ngày 04/6/2009 cho ông **Lương Hoàng A** tiếp tục nuôi dưỡng do cháu **K** đang ở với ông **A** và không ai phải cấp dưỡng cho ai nuôi con chung. Đồng thời cháu **V** có nguyện vọng ở với bà **Hồ Ái L** và

cháu **K** có nguyện vọng ở với ông **Lương Hoàng A** nên giao cháu **V** cho bà **Hồ Ái L** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **K** cho ông **Lương Hoàng A** là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng, cả bà **Hồ Ái L** và ông **Lương Hoàng A** không ai yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ghi nhận không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Hồ Ái L** và ông **Lương Hoàng A** đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà **Hồ Ái L** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn bà **Hồ Ái L** đối với bị đơn ông **Lương Hoàng A**.

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Hồ Ái L** được ly hôn với ông **Lương Hoàng A**.

Về con chung: Bà **Hồ Ái L** được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Lương Thế V**, sinh ngày 26/10/2013; ông **Lương Hoàng A** được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Lương Thế K**, sinh ngày 04/6/2009. Tạm thời ghi nhận bà **Hồ Ái L** và ông **Lương Hoàng A** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí sơ thẩm: Bà **Hồ Ái L** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017325 ngày 31/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà **Hồ Ái L** đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 6, tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh ;
- **UBND xã Cần Đức;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thám